

Số: 400/BB-THHN

Hoà Nghĩa, ngày 07 tháng 10 năm 2025

## BIÊN BẢN

### Niêm yết công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Kế hoạch số 391/KH-THHN ngày 06/10/2025 của trường Tiểu học Hoà Nghĩa về việc Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026;

**I. Thời gian:** từ 14h30, ngày 07/10/2025.

**II. Địa điểm:** Tại văn phòng trường Tiểu học Hoà Nghĩa.

#### III. Thành phần:

1. Đ/c Nguyễn Thị Hồng	Hiệu trưởng - Trưởng ban
2. Đ/c Vũ Thị Hương	Phó hiệu trưởng - Phó trưởng ban
3. Đ/c Nguyễn Thị Ngọc Anh	Phó hiệu trưởng
4. Đ/c Đỗ Thị Hoàn	Trưởng ban TTND -TT tổ 1, Thành viên
5. Đ/c Nguyễn Thị Mai Lan	Tổ trưởng tổ 2, thành viên
6. Đ/c Vũ Thị Ngọc Anh	Tổ trưởng tổ 3, thành viên
7. Đ/c Trần Thị Hoan	Tổ trưởng tổ 4, thành viên
8. Đ/c Bùi Thị Hồng Oanh	Tổ trưởng tổ 5, thành viên
9. Đ/c Trịnh Thị Lương	Tổ trưởng tổ Văn phòng - Thành viên
10. Đ/c Vũ Thị Thu Hà	Thư ký - Thành viên

#### IV. Nội dung:

1. Bà: Nguyễn Thị Hồng - Hiệu trưởng Tiểu học Hoà Nghĩa thông qua Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026;

2. Thông báo các nội dung công khai.

- Công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026.

3. Hình thức công khai

- Thông báo trước hội đồng sư phạm.

- Niêm yết tại văn phòng

- Bảng hình thức niêm yết tại bảng tin nhà trường, đăng tải Website (<https://thhoanghia.haiphong.edu.vn>).

4. Địa điểm, thời gian niêm yết

- Niêm yết tại văn phòng trường Tiểu học Hoà Nghĩa

- Thời gian niêm yết: bắt đầu từ 14h30 ngày 07/10/2025 sẽ kết thúc việc niêm yết vào hồi 14h30 ngày 07/11/2025 (30 ngày liên tục).

Thực hiện niêm yết công khai Kế hoạch thu, chi tài chính năm học 2025-2026). bằng hình thức niêm yết tại bảng tin nhà trường, niêm yết tại nơi thuận tiện cho mọi người trong cơ quan, đăng tải Website (<https://thoanghia.haiphong.edu.vn>).

Việc niêm yết này được thực hiện trong thời gian 30 ngày liên tục theo đúng thời gian được quy định, kết thúc việc niêm yết sẽ lập biên bản hoàn thành việc niêm yết.

Biên bản lập xong hồi 15h30' cùng ngày, đại diện những người có liên quan cùng thống nhất thông qua và không ai có ý kiến khác./.

**THƯ KÝ**

**Vũ Thị Thu Hà**

**HIỆU TRƯỞNG**

**Nguyễn Thị Hồng**

Hòa Nghĩa, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**THÔNG BÁO**  
**Các khoản thu năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-GTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ theo Thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ hoạt động Ban Đại diện CMHS;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND);

Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/08/2025 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;



Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 881/UBND-VHXH ngày 09/9/2025 của phường Dương Kinh về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Hoà Nghĩa;  
Trường Tiểu học Hòa Nghĩa xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính học năm học 2025-2026 như sau.

## **A. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP**

1. Quy mô trường lớp:

- Điểm trường: 2 điểm trường;
- Tổng số lớp, số học sinh: 27 lớp; 921 học sinh. (Trong đó)
  - Khối 1: 05 lớp, 175 học sinh.
  - Khối 2: 06 lớp, 199 học sinh.
  - Khối 3: 05 lớp, 174 học sinh.
  - Khối 4: 05 lớp, 161 học sinh.
  - Khối 5: 06 lớp, 212 học sinh.

Học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khuyết tật được miễn giảm 100% các khoản thu.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Tổng số: 44 đ/c. Trong đó:
  - + CBQL 03; Trình độ chuẩn: 100% (01 đ/c trình độ thạc sỹ)
  - + Giáo viên: 39 (38 GV biên chế; 01 GVHĐ); trình độ chuẩn 38 đồng chí, 01 đ/c trình độ Cao đẳng (đến tuổi nghỉ hưu)
  - + Nhân viên: 02 (Kế toán-Văn thư: 01; Thư viện- Thiết bị-Thủ quỹ: 01).

3. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng

- \* Diện tích đất: 6875 m<sup>2</sup> chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ở 2 điểm trường.
- Số phòng: 29. Trong đó:
  - + 4 phòng chức năng.
  - + 25 phòng học/27 lớp (học nhờ THCS 02 phòng): Đủ bàn ghế cho HS ngồi học. Các lớp học được trang bị ti vi, máy tính phục vụ cho việc áp dụng CNTT vào giảng dạy.

## **B. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU**

### **I. CÁC KHOẢN THU THEO VĂN BẢN:**

**1. Kế hoạch nhỏ: (Chờ văn bản hướng dẫn cấp trên)**

**2. Bảo hiểm y tế:** Theo công văn số 45/BHXH ngày 22/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dương Kinh V/v hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2025-2026.

a. Không thu BHYT đối với HS đã được cấp thẻ BHYT thuộc các đối tượng: hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân công an, thân nhân bộ đội...

b. Đối với học sinh khối lớp 1:

+ Sinh trước ngày 01/10/2019 thu hạn thẻ 15 tháng, số tiền: 789.750đ

+ Sinh từ ngày 02/10/2019 thu hạn thẻ 14 tháng, số tiền: 737.100đ

+ Sinh từ ngày 02/11/2019 thu hạn thẻ 13 tháng, số tiền: 684.450đ

+ Sinh từ ngày 02/12/2019 thu hạn thẻ 12 tháng, số tiền: 631.800đ

c. Đối với học sinh các khối lớp 2,3,4,5: 631.800đ

## II/ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ

**1. Đối với các khoản thu phục vụ tổ chức ăn bán trú:**

**a. Khoản thu tiền ăn bán trú:** thu theo tháng

+ Mức tiền ăn 30.000đ/hs/ngày (bữa ăn chính 25.000đ và bữa phụ 5.000đ). (Bao gồm cả chất đốt)

**b. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú**

+ Trang bị lần đầu K1: 300.000đ/hs/năm

+ Năm tiếp theo: K2,3: 200.000đ/hs/năm

+ Năm tiếp theo: K4,5: 150.000đ/hs/năm

**c. Đối với khoản thu chăm sóc bán trú:** hỗ trợ người chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý:

+ Mức thu: 150.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)

**2. Khoản thu trông xe:**

+ Mức thu: 30.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)

**3. Khoản thu nước uống cho học sinh:**

+ Mức thu: 10.000đ/hs/tháng. Thu theo kỳ

**4. Đối với khoản thu hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày:**

+ Mức thu: 30.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)

**5. Khoản thu quản lý học sinh ngoài giờ hành chính: (Đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học)**

+ Mức thu: 200.000 đ/hs/tháng (thu theo tháng)

## III/ CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN (theo đăng ký tự nguyện của CMHS):

**1. Học kỹ năng sống: (thu theo tháng)**

+ Mức thu học phí: 4 tiết/tháng = 50.000đ/hs/tháng.

**2. Học tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài: (thu theo tháng)**

+ Mức thu: 40.000đ/tiết/học sinh x 4 tiết/tháng = 160.000đ/tháng

**3. Kinh phí hoạt động Ban đại diện CMHS các lớp:**

+ Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS do Phụ huynh thống nhất

**Nơi nhận:**

- CB, GV, NV;

- Lưu: VT.



Nguyễn Thị Hồng

Số: 391/KH-THHN

Dương Kinh, ngày 06 tháng 10 năm 2025

**KẾ HOẠCH**  
**Thu - Chi tài chính năm học 2025-2026**

Căn cứ Thông tư số 28/2020/TT-BGDĐT ngày 04/9/2020 của Bộ Giáo dục và Đào tạo ban hành Điều lệ trường Tiểu học;

Căn cứ Thông tư số 16/2018/TT-BGDĐT ngày 03/8/2018 của Bộ Giáo dục và Đào tạo quy định về tài trợ cho các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ; Căn cứ Thông tư số 90/2018/TT-GTC ngày 28/9/2018 của Bộ trưởng Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số điều của Thông tư số 61/2017/TT-BTC ngày 15 tháng 6 năm 2017 của Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện công khai ngân sách đối với đơn vị dự toán ngân sách, các tổ chức được ngân sách nhà nước hỗ trợ;

Căn cứ Thông tư số 09/2024/TT-BGDĐT ngày 03 tháng 06 năm 2024 của Bộ Giáo dục và Đào tạo về việc Quy định về công khai trong hoạt động của các cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân;

Căn cứ theo Thông tư số 55/2011/TT-BGD&ĐT ngày 22/11/2011 của Bộ trưởng Bộ Giáo dục và Đào tạo về ban hành Điều lệ hoạt động Ban Đại diện CMHS;

Căn cứ Nghị quyết số 217/2025/QH15 ngày 26/6/2025 của Quốc hội về miễn, hỗ trợ học phí đối với trẻ em mầm non, học sinh phổ thông, người học chương trình giáo dục phổ thông trong cơ sở giáo dục thuộc hệ thống giáo dục quốc dân (Nghị quyết số 217/2025/QH15);

Căn cứ Nghị định số 283/2025/NĐ-CP ngày 03/9/2025 của Chính phủ quy định về chính học phí, miễn, giảm, hỗ trợ học phí, hỗ trợ chi phí học tập và giá dịch vụ trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo;

Căn cứ Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND ngày 08/12/2023 của Hội đồng nhân dân thành phố Hải Phòng về sửa đổi, bổ sung Điều 3 Nghị quyết số 02/2022/NQ-HĐND ngày 20/7/2022 của Hội đồng nhân dân thành phố quy định danh mục các khoản thu và mức thu, cơ chế quản lý thu chi đối với các dịch vụ hỗ trợ hoạt động giáo dục, đào tạo đối với cơ sở giáo dục công lập trên địa bàn thành phố Hải Phòng (Nghị quyết số 08/2023/NQ-HĐND);



Căn cứ Công văn số 4567/BGDĐT-GDPT ngày 05/08/2025 củ bộ Giáo dục và Đào tạo về việc hướng dẫn tổ chức dạy học 2 buổi/ngày đối với giáo dục phổ thông năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 6126/SGDĐT-KHTC ngày 29/8/2025 của Sở Giáo dục và Đào tạo về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Căn cứ Công văn số 881/UBND-VHXXH ngày 09/9/2025 của phường Dương Kinh về việc thực hiện các khoản thu trong lĩnh vực giáo dục, đào tạo năm học 2025-2026;

Thực hiện nhiệm vụ năm học 2025-2026 của trường Tiểu học Hoà Nghĩa;

Trường Tiểu học Hoà Nghĩa xây dựng kế hoạch thu, chi tài chính học năm học 2025-2026 như sau.

## **A. QUY MÔ TRƯỜNG, LỚP**

1. Quy mô trường lớp:

- Điểm trường: 2 điểm trường;

- Tổng số lớp, số học sinh: 27 lớp; 921 học sinh. (Trong đó)

Khối 1: 05 lớp, 175 học sinh.

Khối 2: 06 lớp, 199 học sinh.

Khối 3: 05 lớp, 174 học sinh.

Khối 4: 05 lớp, 161 học sinh.

Khối 5: 06 lớp, 212 học sinh.

Học sinh thuộc diện hộ nghèo, cận nghèo, hoàn cảnh đặc biệt khó khăn, khuyết tật được miễn giảm 100% các khoản thu.

2. Đội ngũ cán bộ quản lý, giáo viên, nhân viên:

- Tổng số: 44 đ/c. Trong đó:

+ CBQL 03; Trình độ chuẩn: 100% ( 01 đ/c trình độ thạc sỹ)

+ Giáo viên: 39 ( 38 GV biên chế; 01 GVHĐ); trình độ chuẩn 38 đồng chí, 01 đ/c trình độ Cao đẳng ( đến tuổi nghỉ hưu)

+ Nhân viên: 02 (Kế toán-Văn thư: 01; Thư viện- Thiết bị-Thủ quỹ: 01).

3. Cơ sở vật chất, phòng học, phòng chức năng

\* Diện tích đất: 6875 m<sup>2</sup> chưa được cấp quyền sử dụng đất. Ở 2 điểm trường.  
Số phòng: 29. Trong đó:

+ 4 phòng chức năng.

+ 25 phòng học/27 lớp (học nhờ THCS 02 phòng): Đủ bàn ghế cho HS ngồi học. Các lớp học được trang bị ti vi, máy tính phục vụ cho việc áp dụng CNTT vào giảng dạy.

## **B. DỰ KIẾN CÁC KHOẢN THU**

### **I. CÁC KHOẢN THU THEO VĂN BẢN:**

#### **1. Kế hoạch nhỏ: (Chờ văn bản hướng dẫn cấp trên)**

**2. Bảo hiểm y tế:** Theo công văn số 45/BHXH ngày 22/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dương Kinh V/v hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2025-2026.

a. Không thu BHYT đối với HS đã được cấp thẻ BHYT thuộc các đối tượng: hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân công an, thân nhân bộ đội...

b. Đối với học sinh khối lớp 1:

+ Sinh trước ngày 01/10/2019 thu hạn thẻ 15 tháng, số tiền: 789.750đ

+ Sinh từ ngày 02/10/2019 thu hạn thẻ 14 tháng, số tiền: 737.100đ

+ Sinh từ ngày 02/11/2019 thu hạn thẻ 13 tháng, số tiền: 684.450đ

+ Sinh từ ngày 02/12/2019 thu hạn thẻ 12 tháng, số tiền: 631.800đ

c. Đối với học sinh các khối lớp 2,3,4,5: 631.800đ

### **II/ CÁC KHOẢN THU DỊCH VỤ**

#### **1. Đối với các khoản thu phục vụ tổ chức ăn bán trú:**

**a. Khoản thu tiền ăn bán trú:** thu theo tháng

+ Mức tiền ăn 30.000đ/hs/ngày (bữa ăn chính 25.000đ và bữa phụ 5.000đ). (Bao gồm cả chất đốt)

**b. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú**

+ Trang bị lần đầu K1: 300.000đ/hs/năm

+ Năm tiếp theo: K2,3: 200.000đ/hs/năm

+ Năm tiếp theo: K4,5: 150.000đ/hs/năm

**c. Đối với khoản thu chăm sóc bán trú:** hỗ trợ người chăm ăn, trông trưa, công tác quản lý:

+ Mức thu: 150.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)

#### **2. Khoản thu trông xe:**

+ Mức thu: 30.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)

#### **3. Khoản thu nước uống cho học sinh:**

+ Mức thu: 10.000đ/hs/tháng. Thu theo kỳ

**4. Đối với khoản thu hỗ trợ dạy học 2 buổi/ngày:**

+ Mức thu: 30.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)

**5. Khoản thu quản lý học sinh ngoài giờ hành chính: (Đầu giờ học và sau khi kết thúc buổi học)**

+ Mức thu: 200.000 đ/hs/tháng (thu theo tháng)

**III/ CÁC KHOẢN THU THỎA THUẬN (theo đăng kí tự nguyện của CMHS):**

**1. Học kỹ năng sống: (thu theo tháng)**

+ Mức thu học phí: 4 tiết/tháng = 50.000đ/hs/tháng.

**2. Học tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài: (thu theo tháng)**

+ Mức thu: 40.000đ/tiết/học sinh x 4 tiết/tháng = 160.000đ/tháng

**3. Kinh phí hoạt động Ban đại diện CMHS các lớp:**

+ Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS do Phụ huynh thống nhất

**C. KÊ HOẠCH THU - CHI**

**1. Kế hoạch nhỏ: (Chờ văn bản hướng dẫn cấp trên)**

**2. Bảo hiểm y tế:** Theo Công văn số 45/BHXH ngày 22/8/2025 của Bảo hiểm xã hội cơ sở Dương Kinh v/v hướng dẫn công tác thu bảo hiểm y tế học sinh năm học 2025-2026.

a. Không thu BHYT đối với HS đã được cấp thẻ BHYT thuộc các đối tượng: hộ nghèo, cận nghèo, thân nhân công an, thân nhân bộ đội...

b. Đối với học sinh khối lớp 1:

+ Sinh trước ngày 01/10/2019 thu hạn thẻ 15 tháng, số tiền: 789.750đ

+ Sinh từ ngày 02/10/2019 thu hạn thẻ 14 tháng, số tiền: 737.100đ

+ Sinh từ ngày 02/11/2019 thu hạn thẻ 13 tháng, số tiền: 684.450đ

+ Sinh từ ngày 02/12/2019 thu hạn thẻ 12 tháng, số tiền: 631.800đ

c. Đối với học sinh các khối lớp 2,3,4,5: 631.800đ

**3. Đối với các khoản thu phục vụ tổ chức ăn bán trú:**

**a. Khoản thu tiền ăn bán trú: thu theo tháng**

- Mức tiền ăn: 30.000đ/hs/ngày (bữa ăn chính 25.000đ và bữa phụ 5.000đ)

- 100% số tiền thu được chuyển trả Công ty Cổ phần thực phẩm Thái Bình Dương.

**b. Tiền mua sắm trang thiết bị phục vụ bán trú**

- Nhà trường xây dựng kế hoạch

+Trang bị lần đầu khối lớp 1: 119 hs x 300.000đ/hs/năm = 35.700.000đ

+ Năm tiếp theo: Khối lớp 2,3: 227 hs x 200.000đ/hs/năm = 45.400.000đ

+ Năm tiếp theo: Khối lớp 4,5: 174 hs x 150.000đ/hs/năm = 26.100.000đ

- Tổng số tiền: 107.200.000đ

- Dự kiến chi:

STT	Mục chi	ĐVT	SL	Đơn giá	Thành tiền
1	Mua gối	Chiếc	200	35.000	8.000.000
2	Chiếu cói	Đôi	20	350.000	8.000.000
3	Chăn len loại giấy	Cái	20	350.000	9.000.000
4	Chăn len loại mỏng	Cái	40	250.000	10.000.000
5	Tu bổ sửa chữa lại nhà ăn bán trú				49.128.000
6	Chi khác: giặt chăn, khăn lau, cây lau nhà, ca inox, chổi đót, Sọt nhựa đựng đồ ...				20.928.000
7	2% thuế thu nhập danh nghiệp				2.144.000
	<b>Tổng dự kiến chi</b>				<b>107.200.000</b>

**4. Khoản thu chăm sóc bán trú**

**a. Kinh phí hỗ trợ người phục vụ, trông trưa, chăm ăn, công tác quản lý:**

- Dự kiến thu: 520 hs x 150.000đ/hs/tháng = 78.000.000đ (thu theo tháng)

- Dự kiến chi:

STT	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	80% chi phục vụ và trông trưa: (02 người chăm ăn làm việc từ 10h15 -11h25; 10 người trông trưa làm việc từ 11h30 - 13h15; 3 người: bảo vệ, lao công hỗ trợ quét dọn các phòng ăn có HS nghỉ tại trường khu I từ 10h15 -11h30)	62.400.000	
2	18% chi hoạt động quản lý, điều hành, (7 người: (HT 1=7%, 02 PHT = 11)	14.040.000	

3	2% thuế thu nhập danh nghiệp	1.560.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>78.000.000</b>	

### 5. Khoản thu dạy 2 buổi/ngày

- Nhà trường dự kiến thu: 30.000đ/hs/tháng (thu theo tháng)
- Dự kiến học sinh đăng ký: 921hs - MG 37 hs = 884hs
- Dự kiến thu: 884 học sinh x 30.000đ = 26.520.000đ/tháng

Dự kiến chi:

STT	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	Hỗ trợ tiền điện, nước sinh hoạt	7.500.000	
2	Hỗ trợ sửa chữa CSVC: (Vôi ve, sơn tường lớp học, lan can cầu thang bong tróc, sửa chữa nhà vệ sinh, nhà xe học sinh....)	6.580.000	
3	Hỗ trợ sửa chữa ti vi, máy tính, hệ thống điện....	4.500.000	
4	Mua đồ dùng nhà vệ sinh, công tác vệ sinh môi trường	3.500.000	
5	Chi khác	3.909.600	
6	2% thuế thu nhập danh nghiệp	530.400	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>26.520.000</b>	

### 6. Nước uống tinh khiết cho học sinh:

#### \* Dự kiến nguồn nước phục vụ học sinh:

- Thu theo số lượng học sinh đăng ký (Miễn giảm học sinh nghèo, cận nghèo, học sinh có hoàn cảnh khó khăn, học sinh khuyết tật)

- Mức thu: 10.000đ/hs/tháng. Thu theo kỳ

- 100% tiền nước uống trả cho công ty

- Nhà cung cấp: Công ty Cổ phần Thương mại và Dịch vụ Hồng Phát-Địa chỉ số 37B Mê linh-P.An Biên-Lê Chân-HP.

- Nguồn nước uống là nước lọc qua hệ thống RO, diệt khuẩn bằng đèn UV, đảm bảo tiêu chuẩn nước uống của Bộ y tế quy định để phục vụ học sinh trong nhà trường. Công suất cấp từ 1.000 lít đến 3.000 lít nước/ngày đêm (đảm bảo cung cấp đầy đủ nước uống với số lượng học sinh của trường):

### 7. Khoản thu trông xe

- Mức thu của nhà trường: 30.000đ/tháng/hs. (thu theo tháng)
- Dự kiến học sinh đăng ký: 220hs - MG 8hs = 212hs
- Dự kiến thu: 212hs x 30.000đ = 6.360.000đ

\* Phân chi:

STT	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	80% chi cho người trông xe	5.088.000	
2	10% tu sửa CSVC, làm vé xe	636.000	
3	10% nộp về cơ quan thuế	636.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>6.360.000</b>	

## 8. Khoản thu thoả thuận

### a. Khoản thu quản lý học sinh ngoài giờ hành chính:

\* Phân thu:

- Mức dự kiến: 200.000 học sinh/tháng (thu theo tháng)
- Dự kiến học sinh đăng ký: 921hs - MG 37hs = 884hs
- Dự kiến thu: 884hs x 200.000đ = 176.800.000đ

\* Phân chi:

STT	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	75% chi cho giáo viên trực tiếp quản lý học sinh trên lớp, GV chuyên.	132.600.000	
2	18% chi cho công tác quản lý (HT=6%; 02 PHT=7,8%; KT=3,4%; TQ=0,8%.	31.824.000	
3	5% Phúc lợi	8.840.000	
4	2% thuế thu nhập danh nghiệp	3.536.000	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>176.800.000</b>	

### b. Học kỹ năng sống (thu theo tháng)

- Mục đích: Giúp cho học sinh hiểu, trải nghiệm và rèn luyện về các giá trị và kỹ năng sống cần thiết.

\* **Mức thu:** 4tiết/tháng = 50.000đ/tháng/1hs

\* Dự tính học sinh đăng ký 921hs - MG 37hs = 884hs

\* **Dự thu học phí:** 884 hs x 50.000đ = 44.200.000đ/tháng

**\* Dự chi:**

STT	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	80% nộp trả trung tâm	35.360.000	
2	10% chi trả hoạt động quản lý (HT=3%; 02 PHT=4,4%; KT=1,8%; TQ=0,8%)	4.420.000	
3	5% Phúc lợi	2.210.000	
4	4,6% CSVC	2.033.200	
5	0,4% thuế thu nhập doanh nghiệp	176.800	
	<b>Tổng cộng I+II</b>	<b>44.200.000</b>	

**c. Khoản thu học tiếng Anh có yếu tố người nước ngoài: (thu theo tháng)**

- **Mức thu:** 40.000đ/tiết/học sinh x 4 tiết/tháng = 160.000đ/tháng.
- Dự tính học sinh đăng ký 921hs - MG 37hs = 884hs
- **Dự thu:** 884hs x 160.000đ = 141.440.000đ/tháng
- **Dự chi:**

STT	Mục chi	Số tiền	Ghi chú
1	80% nộp trả trung tâm	113.152.000	
2	10% chi trả hoạt động quản lý (HT=3%; 02 PHT=4,4%; KT=1,8%; TQ=0,8%)	14.144.000	
3	5% chi phúc lợi	7.072.000	
4	4,6% CSVC	6.506.240	
5	0,4% thuế thu nhập danh nghiệp	565.760	
	<b>Tổng cộng</b>	<b>141.440.000</b>	

**9. Kinh phí hoạt động của Ban đại diện CMHS:** Do Ban đại diện CMHS trường, lớp thống nhất của các lớp sẽ tổ chức họp, tự nguyện đóng góp quỹ lớp, thực hiện thu chi theo quy chế, điều lệ và các quy định hiện hành.

**C. TỔ CHỨC THỰC HIỆN:**

**1. Ban giám hiệu:**

- Căn cứ các công văn chỉ đạo hướng dẫn của các cấp lãnh đạo về việc thu chi các khoản đóng góp của học sinh trong năm học, tổ chức các hội nghị, họp cấp ủy, chi bộ, hội đồng sư phạm, họp phụ huynh học sinh lấy ý kiến nhất trí của các phụ huynh học sinh, của cán bộ giáo viên nhà trường.

- Công khai kế hoạch thu, chi đề xuất báo cáo kế hoạch thu chi trình các cấp lãnh đạo, chỉ đạo cho tổ tài vụ, giáo viên chủ nhiệm thực hiện kế hoạch.

- Xét đơn miễn giảm cho học sinh ở diện chính sách và có hoàn cảnh khó khăn.

## 2. Kế toán - thủ quỹ:

- Xây dựng kế hoạch thu chi tài chính trong năm học trình lãnh đạo nhà trường.

- Giao kế hoạch thu nộp cụ thể cho các lớp theo từng đợt trong năm học theo giai đoạn, đơn đốc việc thu nộp của các lớp.

- Thực hiện thu, chi tài chính đúng nguyên tắc, quyết toán tài chính kịp thời, công khai.

## 3. Giáo viên chủ nhiệm và học sinh:

- Thực hiện kế hoạch thu nộp theo quy định của nhà trường.

- Vận động, tuyên truyền đơn đốc học sinh, nộp các khoản đóng góp kịp thời.

Trên đây là toàn bộ kế hoạch thu- chi tài chính năm học 2025-2026. Đề nghị các bộ phận liên quan nghiêm túc thực hiện.

### Nơi nhận:

- PVH-XH phường;
- CB, GV, NV;
- Lưu: VT.

KẾ TOÁN



**Trịnh Thị Lương**

HIỆU TRƯỞNG



**Nguyễn Thị Hồng**